

(Mẫu số 03/QĐ-CKNS ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính)

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS SÀI ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10./QĐ- THCS SĐ

Long Biên, ngày 23 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh giảm dự toán ngân sách năm 2020
của Trường THCS Sài Đồng

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách của quận Long Biên năm 2020

Căn cứ Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của UBND quận Long Biên về việc giao bổ sung chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách của quận Long Biên năm 2020

Căn cứ Quyết định số 3022/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND quận Long Biên về việc điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2020 của quận Long Biên;

Căn cứ Quyết định số 4947/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND quận Long Biên về việc điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2020 của quận Long Biên đối với các trường trực hiện chia tách, thành lập mới;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 của đơn vị;

Xét đề nghị của Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán điều chỉnh giảm chi ngân sách năm 2020 của trường THCS Sài Đồng. (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng, Tài vụ và các bộ phận liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Tổ chức cấp trên;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc;
- Các Phòng, Ban
- Lưu :VT, ...



Nguyễn Thị Diệu Thuý

Số: 40/TB-THCS SĐ

Long Biên, ngày 23 tháng 10 năm 2020

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai điều chỉnh giảm dự toán
ngân sách năm 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách của quận Long Biên năm 2020

Căn cứ Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của UBND quận Long Biên về việc giao bổ sung chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách của quận Long Biên năm 2020

Căn cứ Quyết định số 3022/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND quận Long Biên về việc điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2020 của quận Long Biên;

Căn cứ Quyết định số 4947/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND quận Long Biên về việc điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2020 của quận Long Biên đối với các trường tực hiện chia tách, thành lập mới;

Căn cứ vào quy chế chỉ tiêu nội bộ năm 2020 của đơn vị;

Căn cứ thực hiện dự toán ngân sách năm 2020 tại đơn vị,

- **Người chịu trách nhiệm công khai:** Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý - Hiệu trưởng
- **Bộ phận thực hiện niêm yết công khai:** Kế toán, Trường ban TTND.
- **Địa điểm niêm yết:** Bảng tin Phòng Hội đồng trường THCS Sài Đồng và trên trang cổng thông tin điện tử của nhà trường.
- **Thời gian niêm yết:** Từ ngày 23/10/2020 đến hết ngày 22/01/2021.
- **Thời gian nhận ý kiến phản hồi:** Từ ngày 23/10/2020 đến hết ngày 31/12/2020
- **Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi:** Trực tiếp cho Hiệu trưởng, bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường.
- **Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc:** Chậm nhất là 31/12/2020
- **Thời gian kết thúc công khai:** 22/01/2021



Nguyễn Thị Diệu Thuý

Long Biên, ngày 23 tháng 10 năm 2020

BIÊN BẢN
NIÊM YẾT CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH NĂM 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách của quận Long Biên năm 2020

Căn cứ Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của UBND quận Long Biên về việc giao bổ sung chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách của quận Long Biên năm 2020

Căn cứ Quyết định số 3022/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND quận Long Biên về việc điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2020 của quận Long Biên;

Căn cứ Quyết định số 4947/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND quận Long Biên về việc điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2020 của quận Long Biên đối với các trường trực hiện chia tách, thành lập mới;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 của đơn vị;

Căn cứ thực hiện dự toán ngân sách năm 2020 tại đơn vị,

Hôm nay, vào hồi 14h00' ngày 23/10/2020, tại Phòng Hội đồng trường THCS Sài Đồng

Thành phần gồm có:

1. Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý Chức vụ: Hiệu trưởng - Người chịu trách nhiệm công khai
2. Bà: Đoàn Thị Thái Chức vụ: Kế toán
3. Bà: Khúc Thị Thanh Hiền Chức vụ: Trưởng ban TTND

Đã tiến hành niêm yết công khai số liệu thực hiện “Điều chỉnh giảm dự toán ngân sách năm 2020”

Thời gian niêm yết: Từ ngày 23/10/2020 đến hết ngày 22/01/2021

Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng trường THCS Sài Đồng và trên trang cổng thông tin điện tử của nhà trường

Biên bản lập xong vào hồi 14 giờ 30' ngày 23/10/2020, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.



Nguyễn Thị Diệu Thuý

KẾ TOÁN

Đoàn Thị Thái

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
TRƯỞNG BAN TTND

Khúc Thị Thanh Hiền

Long Biên, ngày 22 tháng 01 năm 2020

BIÊN BẢN
KẾT THÚC NIÊM YẾT CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH NĂM 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách của quận Long Biên năm 2020

Căn cứ Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của UBND quận Long Biên về việc giao bổ sung chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế-xã hội và dự toán thu, chi ngân sách của quận Long Biên năm 2020

Căn cứ Quyết định số 3022/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND quận Long Biên về việc điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2020 của quận Long Biên;

Căn cứ Quyết định số 4947/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND quận Long Biên về việc điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2020 của quận Long Biên đối với các trường trực hiện chia tách, thành lập mới;

Căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ năm 2020 của đơn vị;

Căn cứ thông báo số: 10./TB-THCS SĐ ngày 23/10/2020 của trường THCS Sài Đồng về việc niêm yết công khai hiện điều chỉnh giảm dự toán ngân sách năm 2020

Hôm nay, vào hồi: 16h00' ngày 22/01/2020 tại: Phòng HĐ trường THCS Sài Đồng:

Thành phần gồm có:

- | | |
|----------------------------|---|
| 1. Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý | Chức vụ: Hiệu trưởng - Người chịu trách nhiệm công khai |
| 2. Bà Đoàn Thị Thái | Chức vụ: Kế toán |
| 3. Bà Khúc Thị Thanh Hiền | Chức vụ: Trưởng ban TTND |

Đã tiến hành họp và lập biên bản kết thúc công khai "*Thực hiện điều chỉnh giảm dự toán ngân sách năm 2020*"

Thời gian đã được niêm yết: Từ ngày 23/10/2020 đến hết ngày 22/01/2021.

Địa điểm niêm yết: Phòng Hội đồng trường THCSĐ Sài Đồng và trên trang cổng thông tin điện tử của nhà trường

Những ý kiến phản hồi trong thời gian niêm yết: Không

Kế hoạch giải quyết ý kiến phản hồi: Không

Biên bản lập xong vào hồi 17 giờ 00' ngày 22/01/2021 đã được thông qua các thành

phần cùng nghe và nhất trí.



Nguyễn Thị Diệu Thuý

KẾ TOÁN

A handwritten signature in blue ink.

Đoàn Thị Thái

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
TRƯỞNG BAN TTND

A handwritten signature in blue ink.

Khúc Thị Thanh Hiền

ĐIỀU CHỈNH GIẢM
DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020Kính gửi: PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH QUẬN LONG BIÊN
KHO BẠC NHÀ NƯỚC LONG BIÊN

- Căn cứ vào Luật ngân sách năm 2015;
 - Căn cứ Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kinh tế-Xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 của quận Long Biên
 - Căn cứ Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 08/04/2020 của UBND quận Long Biên về việc giao bổ sung kinh phí đảm bảo quỹ tiền lương đợt 1 năm 2020 cho đơn vị quận;
 - Căn cứ Quyết định số 3022/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND quận Long Biên về việc điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2020 của quận Long Biên;
 - Căn cứ Quyết định số 4947/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND quận Long Biên về việc điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2020 của quận Long Biên đối với các trường trực hiện chia tách, thành lập mới;
- Trường THCS Sài Đồng điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: 1.000đồng

TT	Mục	TM	NỘI DUNG CHI	Dự toán đầu năm	Dự toán bổ sung QĐ 1653	Dự toán giảm QĐ 3022	Dự toán giảm QĐ 4947	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7		8
TỔNG CỘNG CHI NĂM 2020				13 204 400	110 000	194 676	1 489 176	11 630 548
A			KINH PHÍ GIAO TỰ CHỦ	11 818 400	0	194 676	1 393 200	10 230 524
1	6000		Tiền lương	3 480 511			234 051	3 246 460
		6001	Lương ngạch bậc 223.350*1.210*12T	3 243 042				3 243 042
			GV đồ công chức: 06*2.10*1.210*12t	182 952				182 952
			Tăng lương năm 2020					
			01*0.2*1210*8t	1 936				1 936
			14GV *0,31*1210*7	36 760				36 760
			06 người *0.33*1210*6	14 375				14 375
			04 người *(4.98*1%)*6*1210	1 446				1 446
			- 13GV=(43.0 *1210*4)				234 051	- 234 051
2	6050		Tiền công	281 610	0	0		281 610
			+ Hợp đồng giáo viên còn thiếu so với định mức biên chế theo QĐ số 4277/QĐ-UBND ngày 27/12/2019: (Được kí hợp đồng theo năm học)					
		6099	(61/70: Thiếu 09 giáo viên): 9*2.1*1490*10T	281 610				281 610
3	6100		Phụ cấp	1 818 866			201 696	1 617 170
		6101	Phụ cấp chức vụ: 1.00 * 1210 *12T	14 520				14 520
			Phụ cấp thêm giờ: Trả tiền dạy thừa giờ do dạy thay GV ốm, thai sản 01GV*12tiết/tuần *4 tuần *12 tháng	57 600			57 600	
			Chi làm thêm giờ hè: 03BGH+02 n.viên: 05 người*12ngày/người*Lương bình quân/ngày 5 người*(4.64*1.490)/24ngày*12ngày*150%	25 903			10 000	15 903

TT	Mục	TM	NỘI DUNG CHI	Dự toán đầu năm	Dự toán bổ sung QĐ 1653	Dự toán giảm QĐ 3022	Dự toán giảm QĐ 4947	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7		8
		6105	Phụ cấp thêm giờ: (Thông tư số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/1/2005) Chi chênh lệch theo định mức 19 tiết/tuần = Tiền lương giờ * 150% (ngày thường) *Số giờ thực tế làm thêm. Theo PCCM năm học. + GV Tin học 01gv/trường: Định mức tiết dạy 19 tiết/tuần Số tiết dạy/lớp/tuần: 01 tiết/lớp/tuần*40 lớp Số tiết thực dạy: 40 tiết/ => Dạy thêm giờ: 21 tiết/tuần*4 tuần=84tiết/tháng*9tháng = (2.1*1490)+(2.1*1490*30%) = 4.067/76tiết/tháng *21tiết*150%*9tháng = 60.683.000	60 683			30 000	30 683
			Chi hỗ trợ trực hè 2019: (Nhân viên, GV: trực từ 01/6->14/8): 74 ngày*2người/ngày*100/ngày= 14.800	14 800			14 800	
		6112	P/c ưu đãi nghề :(3.480.511-178.450)*30%	990 618			62 436	928 182
		6113	Phụ cấp trách nhiệm: 2,45 *1210 *12T	35 574				35 574
			Phụ cấp hướng dẫn tập sự (03GV*0.3*9T)	4 023				4 023
		6115	Phụ cấp thâm niên nghề: 37.118*1210*12 Tăng PCTN: 37.118*1%*6tháng*1210	541 648			25 429	516 219
			Phụ cấp thâm niên VK: 1.778*1210*12	25 817				25 817
		6149	- Phụ cấp tiết dạy thể dục ngoài trời 40 lớp*2tiết/lớp/tuần*4tuần*10tháng*14.900/tiết	47 680			1 430	46 250
4	6300		Các khoản đóng góp	954 687			60 978	893 709
		6301	BHXX (3.480.511+14.520+541.648+25.817)*17%	690 624			44 112	646 513
		6302	BHYT (3.480.511+14.520+541.648+25.817)*3%	121 875			7 784	114 090
		6303	KPCĐ (3.480.511+14.520+541.648+25.817)*2%	81 250			5 190	76 060
		6304	BHTN(3.480.511+14.520+541.648+25.817)*1%	40 625			2 595	38 030
		6349	Các khoản đóng góp khác(3.480.511+14.520+541.648	20 312			1 297	19 015
5	6300		Các khoản đóng góp (Đối với GV, NV kí hợp đồng trường)	66 178	0	0	0	66 178
		6301	BHXX: 281.610*17%	47 874				47 874
		6302	BHYT: 281.610*3%	8 448				8 448
		6303	KPCĐ: 281.610*2%	5 632				5 632
		6304	BHTN: 281.610*1%	2 816				2 816
		6349	Các khoản đóng góp khác 281.610*0.5%	1 408				1 408
6	6250		Phúc lợi tập thể	28 000	0	0		28 000
		6299	Tiền chè, nước uống: (2500/t*10t)+(1500*2t)	28 000				28 000
7	6400		Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	400 000			100 000	300 000
		6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	400 000			100 000	300 000
8	6500		Thanh toán dịch vụ công cộng	270 900		3 500	65 400	202 000
		6501	Tiền điện: 17.000/t*8T = 136.000 8,000 * 2T = 16,000	152 000			50 000	102 000
		6502	Tiền nước :(7.000/t *10t)+(4000*2T)	78 000				78 000

TT	Mục	TM	NỘI DUNG CHI	Dự toán đầu năm	Dự toán bổ sung QĐ 1653	Dự toán giảm QĐ 3022	Dự toán giảm QĐ 4947	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7		8
		6503	Tiền nhiên liệu (xăng, dầu chạy máy nổ, ga đun nước): 200,000/tháng*12T	2 400			2 400	
		6504	Tiền vệ sinh môi trường: Tháng 1,2,3,4,5,9,10,11,12: 15m3*240đ/m3*10t) = 36.000.000 Tháng 6,7 : 5m3/tháng*240đ/m3 = 2.400.000	38 500		3 500	13 000	22 000
9	6550		Vật tư văn phòng	490 560	0	44 976	93 200	352 384
		6551	VPP mực, giấy viết, vở bút... 3,000*10th; 1000*2th	30 200			10 000	20 200
		6552	Mua sắm dụng cụ văn phòng: 5000/T*10T; 2000*2T	54 000		12 000		42 000
			Chi mua bổ sung biểu bảng, biểu hoạt động chuyên môn phục vụ công tác dạy và học: (Lịch công tác, bảng theo dõi thi đua, các nội quy trường, lớp, khẩu hiệu, các lô gô về hoạt động thể thao : 100,000	98 000		23 976	30 000	44 024
		6552	Chi bổ sung giá để nước uống các phòng học, phòng chức năng: 30phòng*1chiếc/phòng*550	16 500				16 500
			Chi lắp bổ sung rèm che sáng, che nắng các phòng chức năng khu nhà A, B, C (Tầng 4, 5 khu nhà A; 04 cửa sổ/phòng*10 phòng *(1.2*2,0m) *500/m2	48 000			18 000	30 000
			Mua tủ tài liệu Hoà phát: 05 chiếc*3.500	17 500				17 500
			Chi mua thùng gom rác công nghiệp ngoài trời 660l, bốn bánh, có nắp đậy: 02 chiếc*5,500 = 11,000	11 000				11 000
			Chi mua bổ sung camera giám sát (05 chiếc*3.900)	19 500				19 500
			Chi bổ sung ổ lưu điện các phòng chức năng (10*3000)	30 000			30 000	
		6553	Khoản VPP: 68ng *100 *10th; + 10ng*50*10	73 000			5 200	67 800
			VPP phục vụ công tác VP (Ghim, kẹp, băng dính, kéo...) 1500/T *12	18 000				18 000
		6599	Vật tư VP khác (đồ dùng phục vụ: Xô, chậu, phích, ấm chén, chổi, thùng rác nhỏ, gáo múc nước, giấy vệ sinh.....): 3000/T *10; 1500*2th	33 000		9 000		24 000
			Mua thùng đựng rác nhựa 90l để hành lang các lớp học, sân trường: 15 chiếc* 1500 = 22.500 Mua thùng đựng nước bằng nhựa 90l để chứa nước trong nhà vệ sinh học sinh: 24 nhà VS*1 chiếc*150 = 3.600 Thùng rác nhỏ đựng rác nhà vệ sinh học sinh và giáo viên: 24 nhà*4*60 =5.760	31 860				31 860
			Chi mua ghế đầu cao phòng tin học: 100 chiếc *100	10 000				10 000
10	6600		Thông tin liên lạc	106 520	0	0	0	106 520
		6601	Cước phí điện thoại 03 máy*500*10th)+(03 máy*300*2th)	16 800				16 800
		6605	Thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng + Thuê bao cáp TH: 110/tháng *12 = 1.320 + Thuê bao Internet: 400đ/đường truyền*3*12 =14.400	15 720				15 720

TR
JNG
SA
/S/

TT	Mục	TM	NỘI DUNG CHI	Dự toán đầu năm	Dự toán bổ sung QĐ 1653	Dự toán giảm QĐ 3022	Dự toán giảm QĐ 4947	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7		8
		6606	Tuyên truyền: Khẩu hiệu, băng zôn tuyên truyền các ngày lễ, các hoạt động dạy học trong năm: 34.000	34 000				34 000
		6608	Mua sách báo, tạp chí cho thư viện: 10000/quý*4quý Báo: Lao động thủ đô, Hà Nội Mới, Giáo dục thủ đô, Giáo dục pháp luật...: 5.000/quý*4quý Tạp chí: Văn học tuổi trẻ, Toán tuổi thơ, Giáo dục thủ đô, Thiết bị đồ dùng, Tạp chí thư viện: 5.000/quý*4quý	40 000				40 000
11	6650		Hội nghị (Sơ kết, Tổng kết, Khai giảng, 20/11)	107 000	0	36 000	30 000	41 000
		6651	Chi in ấn tài liệu, báo cáo: 04 HN *1000	4 000				4 000
		6657	Chi thuê thiết bị âm thanh, đạo diễn chương trình văn nghệ, trang phục, đạo cụ....biểu diễn: Ngày tổng duyệt: 5.000*4=20,000 Ngày chính thức: 10,000*4 =40,000	60 000		15 000	20 000	25 000
		6699	Chi công tác chuẩn bị hội nghị Chi loa đài, trang trí, hoa tươi....: 5.000.*4 = 20.000 Chi công tác chuẩn bị: 15ng*50/ng/hội nghị*4=3.000 Chi phân tập luyện ngày khai giảng (36 GVCN+các bộ phận): 50ng*100*4= 20,000	43 000		21 000	10 000	12 000
12	6700		Công tác phí	25 200	0	0	0	25 200
		6704	Khoản công tác phí (Hiệu trưởng: 500, Kế toán: 500;VP: 500; 2 hiệu phó: 300) = 2100*12th	25 200				25 200
13	6750		Chi phí thuê mượn	578 714	0	22 000	145 000	411 714
		6751	Chi thuê xe đưa đón học sinh tham dự các cuộc thi văn nghệ, TĐTT, HKPĐ, thi GVG, ..do cấp trên tổ chức: 4 kì cuộc*10.000	40 000			30 000	10 000
			Thuê xe đưa học sinh tham gia tìm hiểu di tích lịch sử địa phương : 10 xe *4.000	40 000			20 000	20 000
		6757	Thuê 02 lao công phục vụ nước uống, dọn phòng chức năng, dọn nhà vệ sinh học sinh, giáo viên, hành lang các dãy nhà, sân trường....: 02người (4000*10t) +2000*2t)	88 000			15 000	73 000
			Thuê 01 nhân viên chăm sóc bồn hoa cây cảnh: 2.000/tháng*12T	24 000				24 000
			Tiền công bảo vệ hợp đồng: 03 người* 4.000*12T	144 000			40 000	104 000
			Tiền công nhân viên CNTT phụ trách trường học điện tử: 01*5.000*10	50 000				50 000
			Hợp đồng 01 nhân viên y tế: 1.86*1490*10T	27 714				27 714
			Chi thuê trang phục biểu diễn tham dự các cuộc thi văn nghệ, TĐTT, HKPĐ, thi GVG, tham gia tìm hiểu di tích lịch sử...do cấp trên tổ chức:5 kì cuộc*10.000	50 000		10 000	20 000	20 000

TT	Mục	TM	NỘI DUNG CHI	Dự toán đầu năm	Dự toán bổ sung QĐ 1653	Dự toán giảm QĐ 3022	Dự toán giảm QĐ 4947	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7		8
		6799	Chi thuê xử lý thông tắc đường thoát, vệ sinh lavabo, hút thông tắc bể phốt công trình vệ sinh.....: 02 bể phốt nhà VS: 15m3 *1ki*40.000/ki)	40 000		12 000		28 000
			Chi thuê dịch vụ vệ sinh công nghiệp toàn bộ khu vực các dãy nhà, phòng học, khu vệ sinh, cầu thang, ô kính..	60 000			20 000	40 000
			Chi thuê cắt tỉa toàn bộ cảnh cây khô đảm bảo an toàn cho học sinh trong mùa mưa bão: 15 cây*1000	15 000				15 000
14	6900		Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	725 700	0	70 000	112 976	542 724
		6905	Chi bảo dưỡng thay thế thiết bị PCCC 10.000ki x 2ki	15 000				15 000
		6907	Nhà cửa Sửa chữa nhỏ, trát vữa nền, tường nhà bong tróc do ẩm mốc...500/phòng/năm*72 phòng Sửa chữa cửa các phòng học và phòng chức năng: Ốc, vít, gậy, vờ, mối... 300đ/phòng/năm*72phòng	57 600			20 000	37 600
			Sửa chữa nhà để xe của HS và GV (thay mái tôn, hàn lại khung sắt....) 80.000	80 000		20 000	20 000	40 000
			Các thiết bị công nghệ thông tin: Bảo dưỡng, bảo trì hệ thống máy tính VP: (25 máy tính *70/tháng)*12th = 21.000 - Thay thế linh kiện máy tính, máy in: (Ram, Main, CPU, trống gạt máy in....) 33 máy*500 = 16.500	37 500				37 500
		6912	Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống máy tính phòng tin học, máy tính các phòng học: (200 máy tính *50/T*10T - Thay thế linh kiện máy tính, máy in: (Ram, Main, ổ cứng, CPU, trống gạt máy in....) Bình quân: 200 máy*400năm	160 000		50 000	20 000	90 000
			Chi bảo trì, bảo dưỡng máy chiếu tại các phòng học, chức năng...: 45 máy* 200/máy/ki *2ki = 18.000 Chi thay thế LK máy chiếu 45máy*1000=45.000	60 000				60 000
			Sửa chữa thay thế thiết bị mạng phòng học tin học: Dây điện 6ly, dây điện 2,5 ly; Gen đại, dây mạng 200 máy....	20 000				20 000
			Sửa chữa thay thế hệ thống mạng phục vụ giảng dạy và làm việc (hệ thống dây, nguồn mạng, chia KVM, swith....1.000/T*12T	12 000				12 000
		6913	Tài sản và thiết bị văn phòng: Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điều hoà các phòng chức năng, khu hiệu bộ: (Vệ sinh, bơm ga...) 18 chiếc*1000/năm	18 000				18 000
			Máy phô tô: 01 chiếc *300/th*12th = 3.600 Sửa chữa, thay thế linh kiện: 15.000/năm	18 600				18 600

STT	Mục	T/M	NỘI DUNG CHI	Dự toán đầu năm	Dự toán bổ sung QĐ 01/53	Dự toán giảm QĐ 30/22	Dự toán giảm QĐ 49/47	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8	9
			Thay thế đường điện, nước (thay thế hệ thống bơm điện, vòi nước, thiết bị vệ sinh, ổ điện, tắc tu, hệ thống quạt 40 phòng học, các phòng chức năng... 1.000đ*40 phòng	40 000			8 976	31 024
			Sửa chữa, thay thế mặt bàn, mặt ghế, ốc vít, bàn ghế học sinh, giáo viên: 2000 phòng*34	68 000			20 000	48 000
			Sửa chữa các công trình hạ tầng khác* 4500*12T	54 000			24 000	30 000
			Sửa chữa máy bơm nước : 5.000đ/năm	5 000				5 000
		6943	Sửa chữa máy phân điện: 5.000đ/năm	5 000				5 000
			Chi sơn kẻ lại hàng viết các phòng học và phòng chức năng 45 chiếc*1.000.000 = 45.000.000	45 000				45 000
			Sửa chữa thay thế khung tường rào sắt bảo vệ quanh trường	30 000				30 000
15	6950		Mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn	347 500	0	0	0	347 500
		6956	Mua bổ sung máy chiếu : 03 chiếc *30.000	90 000				90 000
			Mua máy tính: 05 bộ * 15000	75 000				75 000
		6999	Bàn ghế bán trú 50bộ* 2.000 = 100.000	100 000				100 000
			Bàn ghế học sinh: 50 bộ * 1.650	82 500				82 500
16	7000		Chi phí nghiệp vụ CM	774 591		18 200	166 000	590 391
			Hàng hoá vật tư dùng cho chuyên môn: Mực máy in, máy photo (1photo - 19 máy in) (01máy*1hộp/tháng*12tháng*720)-(19máy*0,5hộp/tháng*12tháng*150) =25.740 Vật tư dùng cho thực hành tiền dạy: 1000T*9= 9.000 Giấy photo (In ấn các thông báo, kế hoạch chuyên môn, đề kiểm tra học kì...25 gram T*12T*60 =18.000 Giấy in: (Bộ phần HT, 02 PHT, KT, DD, ĐD, TV, VP, Tổ CM, nhập điểm) 20 gram/thùng*12tháng*75 =18.000	61 740			15 000	46 740
			Chi bổ sung đồ dùng dạy học: In tranh, bản đồ các môn học 13 môn*100 tranh*40	52 000				52 000
		7001	Chi mua dụng cụ môn thể dục: - Mua trụ, lưới cầu Vợt cầu lông, Quả cầu ba sao.... 2000.000đ/tháng *10tháng	20 000				20 000
			Chi mua bổ sung đồ dùng dạy học các môn học: Thiết bị, hoá chất... 13 môn*5.280/môn	68 651			25 000	43 651
			Mua ghế nhựa chảo cò HS khối 6: 400hs*45 chiếc = 16.000	18 000				18 000
			Mua nguyên liệu phục vụ các tiết thực hành giảng dạy bộ môn Sinh học: Trái, Tôm, Cá, Éch... 3000*9T	27 000			16 000	11 000
			Trang thiết bị đồ dùng dạy học cho CM không phải là TSCĐ: 3000đ/tháng*12t	36 000				36 000
			Mua sổ sách đầu năm, TLCM: 15000	15 000				15 000

T	Mục	TM	NỘI DUNG CHI	Dự toán đầu năm	Dự toán bổ sung QĐ 1653	Dự toán giảm QĐ 3022	Dự toán giảm QĐ 4947	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7		8
			Sách tham khảo, truyện phục vụ tiết đọc sách (Bổ sung sách phòng đọc thư viện) 50,000/ki*2ki	100 000			30 000	70 000
			Chi mua, in ấn tài liệu trong công tác CM: 2000/T*12th = 12,000	24 000				24 000
		7004	Chi trang phục giáo viên thể dục: 05 gv*2.500	12 500				12 500
			Chi các hoạt động dạy và học: (3.000/tháng *10T); (2.000*2tháng)	34 000			10 000	24 000
			Chi tham dự thi thi giáo viên dạy giỏi cấp quận: 05 môn *10,000 (XD tiết dạy, thiết kế giáo án điện tử, in, phô tô đóng giáo án, dạy thử)	50 000			15 000	35 000
			Chi tham dự thi giáo viên dạy giỏi cấp Thành phố: 01 môn*40,000 (XD tiết dạy, thiết kế giáo án điện tử, in, phô tô đóng giáo án, dạy thử, chuẩn bị đồ dùng....)	40 000			10 000	30 000
			Chi nâng cao nghiệp vụ chuyên môn (Học bồi dưỡng thay sách, chuyên đề tổ, quận, hội giảng...) 2000*10t	20 000			10 000	10 000
			Chi tổ chức các cuộc thi do phòng tổ chức: Tiếng Anh qua mạng, Toán qua mạng, Giải toán với máy tính cầm tay, IOE....05 cuộc*5,000	25 000			10 000	15 000
		7049	Chi tổ chức Hội khỏe Phù Đổng cấp trường, cấp quận: 02 cuộc* 15,000 = 30,000	30 000		7 000		23 000
			Chi tổ chức chạy giải Báo HNM cấp trường, Quận: 02 cuộc *15000	30 000		7 000	5 000	18 000
			Chi tập huấn, diễn tập về PCCC: 02đợt*5000	10 000				10 000
			Chi thực hiện chuyên đề kiểm tra học kì theo tổ chuyên môn: 02HK*3,000*04tổ	24 000			10 000	14 000
			Chi xét duyệt tốt nghiệp THCS: 480hs*50	24 000			10 000	14 000
			Chi mua hoa tươi thực hiện các tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần trong tháng: 42 tuần*350	14 700		4 200		10 500
			Chi trang trí các kì cuộc phục vụ chuyên môn (Chuyên đề, hội giảng, thi GVG, phát động các phong trào thi đua...) 1000/tháng *12 tháng	12 000				12 000
			Chi thiết kế sản phẩm dự thi nghiên cứu khoa học cấp quận : 02SP*7.000	14 000				14 000
			Chi chụp ảnh các hoạt động dạy và học của nhà trường làm tư liệu: 1000*12t = 12000	12 000				12 000
17	7050		Mua sắm TS vô hình	123 000			20 000	103 000
			Chi nâng cấp phần mềm xếp TKB, quản lý học sinh, ..02 phần mềm* 3,000	6 000				6 000
			Chi nâng cấp phần mềm KT, Quản lý TS, các phần mềm liên quan đến quản lý tài chính....	30 000			20 000	10 000
		7053	Chi mua phần mềm thiết kế bài giảng phục vụ công tác chuyên môn	40 000				40 000
			Chi mua phần mềm bản quyền diệt vi rút phục vụ giảng dạy (Trường học điện tử) 40 máy *600	24 000				24 000

Mục	TM	NỘI DUNG CHI	Dự toán đầu năm	Dự toán bổ sung QĐ 1653	Dự toán giảm QĐ 3022	Dự toán giảm QĐ 4947	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8
		Chi bảo trì PM công thông tin điện tử của trường: 13.000/năm	13 000				13 000
		Chi mua phần mềm triển khai thu học phí qua tài khoản	10 000				10 000
18	7750	Chi khác	380 253			82 900	297 353
		Chi công tác chuẩn bị tuyển sinh trực tuyến lớp 6 năm học 2020-2021: Từ 20/6->30/6/2020: 05người*10 ngày *100/ngày = 5000					
		Chi công tác tuyển sinh trực tuyến: Từ ngày 07/7/2020->22/7/2020: 15ng*10ngày/ng*150/ngày = 19,500	27 500			10 000	17 500
		Chi giao ban, liên tịch, xét thi đua kì I, kì II nâng bậc, quy hoạch cán bộ...600* 12 tháng	7 200				7 200
		Chi khác: (Chi lao động, vệ sinh các phòng ban, KCSP ... 1.200 x 10 t = 12.000, 2*450	12 900			12 900	
		Chi trang trí, chụp ảnh các kì cuộc khác (Tết Dương lịch, Nguyên Đán, các ngày lễ: 1,000tháng*10	10 000			5 000	5 000
		Chi triển khai nhiệm vụ giữa nhà trường, GVCN và PHHS: Đầu năm, SKHK, TKNH: (40GVCN+03BCH+4NV+04 GV hỗ trợ) 51ng*3ki*100	15 300				15 300
		Chi bộ phận trực tết Nguyên Đán: BV, BGH, các tổ trưởng, bộ phận văn phòng: (Từ 29 tết -> 5 tết) 07 ngày*2người/ngày*300/người	4 200				4 200
		Chi tổ chức kiểm kê tài sản cuối năm: Bộ phận bảo vệ, BGH, thanh tra, kế toán, nhân viên các phòng chức năng, giáo viên 1 số môn hỗ trợ: 15 người*3buổi*100	4 500				4 500
		Chi mua hoa tươi tặng CB-GV hưu về dự hội nghị 20/11: 38CB-GV*500	19 000				19 000
		Chi mua hoa tươi tặng GV tham gia lực lượng VTND ngày 22/12 (03), chúc mừng các đơn vị trên địa bàn ngày thành lập ngành (07đv): 15lãng*500	7 500				7 500
		- Chi nước tẩy rửa nhà vệ sinh GV,HS: 2.000 *12t - Chi mua nước thơm xịt phòng, men vi sinh, bột thông cống...: 1000/tháng *12 =12,000	36 000			10 000	26 000
		Chi phun thuốc diệt côn trùng, muỗi (Toàn bộ khu vực làm việc, các phòng chức năng, trước và sau tầng 1 khu nhà B, C, các phòng học : 6,200 m2*4,5* 1 đợt	27 900				27 900
		Cô trồng bồn cây, vườn cảnh Cây tạo cảnh KCSP, cây theo mùa: Bồn hoa, cây cảnh...40.000/ki*2 ki	80 000			30 000	50 000
		Chi thay thế, xử lý cây xanh sân trường lâu năm bị già cỗi	69 253			15 000	54 253

	Mục	TM	NỘI DUNG CHI	Dự toán đầu năm	Dự toán bổ sung QĐ 1653	Dự toán giảm QĐ 3022	Dự toán giảm QĐ 4947	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7		8
			Chi xử lý định kì mỗi xồng hệ thống cửa ra vào, cửa sổ các phòng học dãy nhà B, C (Do cải tạo nên vẫn sử dụng hệ thống cửa cũ)	35 000				35 000
			Chi xử lý, kiểm soát chuột 1 lần/tháng: 2.000đ/*12t	24 000				24 000
19	7950		Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu	858 610			81 000	777 610
			<i>Trích lập quỹ phúc lợi</i>	<i>677 600</i>			<i>59 300</i>	<i>618 300</i>
			Chi kỉ niệm các ngày lễ lớn					
			Ngày lễ 10/3, 30/4, 01/5, 2/9, (68 CBGV*600.000*4) + (20*300.000*4)	187 200			7 800	179 400
			Chi tết Dương lịch (68 ng *1000)+(20*500)	78 000				78 000
			Chi tết Nguyên đán (68người *2000)+(20ng*700)	150 000				150 000
			Chi ngày 20/11: (68người *2000)+(20ng*800)	152 000			26 000	126 000
			Chi quà 20/11 cho GV nghỉ hưu: 38 người*300	11 400				11 400
			Chi cán bộ, nhân viên, giáo viên trực tiếp sử dụng máy tính (HT, HP(2) VP, quản lý điểm; ĐD; TV, KT, NV CNTT): 9ng* 300/th *12th	32 400			7 000	25 400
			Chi tổ chức khám sức khỏe cho CB-GV-NV					
			Biên chế: 68 người*700; HĐ: 9 ng*350	54 600			10 500	44 100
			Chi trợ cấp khó khăn đột xuất: 01 người*2đợt*2.000	12 000			8 000	4 000
			<i>Trích lập quỹ khen thưởng</i>	<i>181 010</i>			<i>21 700</i>	<i>159 310</i>
			Chi mua vở khen tặng HS đạt danh hiệu 2 đợt SKHKI, TKNH: Bình quân 1,200 HS *25 *2đợt (Mua vở, giấy khen, bút thưởng) (HSG, HSTT, HS nghèo vượt khó, HS tham gia các hoạt động chi Đội....)	60 000			10 000	50 000
			Chi khen SKKN cấp trường 30 loại A*200/ng ; 20 loại B*100/ng	8 000				8 000
			Chi khen Giáo viên có HS tham gia và đạt giải HSG cấp Quận: 185hs*50 =9.250	9 250				9 250
			Chi khen thi đua 4 mặt (ngày công, hồ sơ, giảng dạy, chủ nhiệm quản lý (tốt 100 - khá 80)					
			80 tốt*100*4mặt*2đợt; 9 khá*80*4mặt*2đợt	69 760			5 200	64 560
			- Chi khen xếp loại Lao động tiên tiến: 68ng *500	34 000			6 500	27 500
B			KINH PHÍ CHI CCTL					
			10% tiết kiệm chi thường xuyên: 463.500					
			40% từ nguồn thu học phí CCTL: 876.150	1 386 000	110 000		95 976	1 400 024
I	6000		Tiền lương	764 478	66 066		67 656	762 888
		6001	Tiền lương: = 235.950*280*6t	396 396	66 066			462 462
			Tiền lương: = 235.950*390*4t	368 082			67 656	300 426
2	6100		Phụ cấp	417 083	29 105		28 320	417 868
		6101	Phụ cấp chức vụ: (1.0*280*6t)+(1.0*390*4t)	3 240	280			3 520
		6113	Phụ cấp trách nhiệm: (2,45 *280 *6T)+(2.45*390*6t)	9 849	686			10 535
		6112	P/c ưu đãi nghề :(63.378*280*6)+(63.378*390*6)	254 780	17 746		20 124	252 402
		6115	Phụ cấp thâm niên nghề: (37.118*280*6T)+(37.118*390*6T)	149 214	10 393		8 196	151 411

Mục	TM	NỘI DUNG CHI	Dự toán đầu năm	Dự toán bổ sung QĐ 1653	Dự toán giảm QĐ 3022	Dự toán giảm QĐ 4947	Dự toán còn lại sau điều chỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8
3	6300	Các khoản đóng góp	204 439	14 829			219 268
	6301	BHXXH (764.478+3.240+120.262)*17%	151 161	10 224			161 385
	6302	BHYT (764.478+3.240+120.262)*3%	26 639	2 302			28 941
	6303	KPCĐ (764.478+3.240+120.262)*2%	17 760	1 535			19 295
	6304	BHTN (764.478+3.240+120.262)*1%	8 880	768			9 648
	6349	Các khoản đóng góp khác (764.478+3.240+120.262)*0	4 440				4 440

Sài Đồng, ngày 22 tháng 10 năm 2020

NGƯỜI LẬP

me

Đoàn Thị Thái



Nguyễn Thị Diệu Thuý

XÉT DUYỆT CỦA
PHÒNG TÀI CHÍNH-KẾ HOẠCH



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Thanh Hoa

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4047/QĐ - UBND

Long Biên, ngày 17 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh, giao dự toán chi ngân sách năm 2020
đối với các trường học thuộc quận thực hiện chia tách, thành lập mới.**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của HĐND Thành phố về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và định mức phân bổ chi ngân sách Thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2018/NQ-HĐND ngày 05/7/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội quy định mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của Thành phố Hà Nội và mức thu học phí đối với Trường trung cấp Kinh tế kỹ thuật Bắc Thăng Long, trường Trung cấp Kỹ Thuật Tin học Hà Nội năm học 2018-2019;

Căn cứ Quyết định số 3899/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của UBND quận Long Biên về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách của quận Long Biên năm 2020;

Căn cứ Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 29/05/2020 của Ủy Ban nhân dân phường Ngọc Thụy về việc tách trường THCS Ngọc Thụy thành trường THCS Ngọc Thụy và trường THCS Lý Thường Kiệt;

Căn cứ Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 09/04/2020 của Ủy Ban nhân dân phường Phúc Đồng về việc thành lập trường THCS Nguyễn Bình Khiêm tại ô quy hoạch D.4/THCS1 phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số: 2996/QĐ-UBND ngày 12/06/2020 của UBND quận Long Biên về việc thành lập trường THCS Lý Thường Kiệt;

Căn cứ Quyết định số: 3002/QĐ-UBND ngày 12/06/2020 của UBND quận Long Biên về việc thành lập trường THCS Nguyễn Bình Khiêm;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân quận tại văn bản số: 338/HĐND-TCKH ngày 17/09/2020 về việc thống nhất nguyên tắc, phương án điều chỉnh, giao dự toán ngân sách cho năm 2020 cho trường chia tách, thành lập mới: Trường THCS Lý Thường Kiệt và trường THCS Nguyễn Bình Khiêm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch quận,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, giao dự toán chi ngân sách năm 2020 đối với các trường học thuộc quận thực hiện chia tách, thành lập mới, như sau:

1. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2020 đối với trường THCS Ngọc Thụy do thực hiện chia tách, số tiền: 2.453.280.000 đồng (*Hai tỷ, bốn trăm năm mươi ba triệu, hai trăm tám mươi ngàn đồng*).

(*Chi tiết theo Biểu số 01 đính kèm*)

2. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2020 đối với trường THCS Sài Đồng do thực hiện chia tách, số tiền: 1.249.236.000 đồng (*Một tỷ, hai trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng*).

(*Chi tiết theo Biểu số 02 đính kèm*)

3. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2020 đối với trường THCS Phúc Đồng do thực hiện chia tách, số tiền: 22.596.000 đồng (*Hai mươi hai triệu, năm trăm chín mươi sáu ngàn đồng*).

(*Chi tiết theo Biểu số 03 đính kèm*)

4. Giao dự toán chi ngân sách năm 2020 cho trường THCS Lý Thường Kiệt mới thành lập, số tiền: 3.016.396.000 đồng (*Ba tỷ, không trăm mười sáu triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn đồng*), gồm:

+ Kinh phí hoạt động giao theo định mức quy định tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố số tiền: 2.766.396.000 đồng (*Hai tỷ, bảy trăm sáu mươi sáu triệu, ba trăm chín mươi sáu ngàn đồng*).

+ Kinh phí hỗ trợ ngoài định mức để mua sắm ban đầu cho trường mới thành lập số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

(*Chi tiết theo Biểu số 04,05 đính kèm*)

5. Giao dự toán chi ngân sách năm 2020 cho trường THCS Nguyễn Bình Khiêm mới thành lập, số tiền: 1.757.476.000 đồng (*Một tỷ, bảy trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*), gồm:

+ Kinh phí hoạt động giao theo định mức quy định tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố số tiền: 1.507.476.000 đồng (*Một tỷ, năm trăm linh bảy triệu, bốn trăm bảy mươi sáu ngàn đồng*).

+ Kinh phí hỗ trợ ngoài định mức để mua sắm ban đầu cho trường mới thành lập số tiền 250.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi triệu đồng*).

(*Chi tiết theo Biểu số 06,07 đính kèm*)

* *Cơ chế tài chính:* Các đơn vị được giao dự toán thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

* *Nguồn kinh phí:*

- Tổng kinh phí 3.016.396.000 đồng giao dự toán cho trường THCS Lý Thường Kiệt mới thành lập được bố trí từ các nguồn sau:

+ Cân đối từ giảm dự toán ngân sách của trường THCS Ngọc Thụy do thực hiện chia tách là: 2.453.280.000 đồng.

+ Nguồn kết dư ngân sách quận: 563.116.000 đồng.

- Tổng kinh phí 1.757.476.000 đồng giao dự toán cho trường THCS Nguyễn Bình Khiêm mới thành lập được bố trí từ các nguồn sau:

+ Cân đối từ giảm dự toán ngân sách của trường THCS Sài Đồng và THCS Phúc Đồng do thực hiện chia tách là: 1.271.832.000 đồng.

+ Nguồn kết dư ngân sách quận: 485.644.000 đồng.

Điều 2. Trách nhiệm của các đơn vị:

- Lập dự toán chi điều chỉnh, bổ sung năm 2020 chi tiết theo nội dung, nhiệm vụ, mục lục ngân sách gửi phòng Tài chính-Kế hoạch thẩm định làm căn cứ rút dự toán tại Kho bạc nhà nước Long Biên và tổ chức thực hiện.

- Bố trí 60% thu học phí để cân đối nhiệm vụ chi đảm bảo chi hoạt động của đơn vị.

- Sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích, chế độ; Tiết kiệm và hiệu quả; Thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành của Nhà nước;

Điều 3. Chánh văn phòng HĐND - UBND quận, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Giáo dục- Đào tạo, Hiệu trưởng các trường ghi tại Điều 1, Giám đốc Kho bạc nhà nước Long Biên và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. ✓

Nơi nhận:

- Như điều 3,

- Lưu: VP, TCKH (15b). ✓

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hà

BIỂU 01: PHƯƠNG ÁN GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI TRƯỞNG THCS NGỌC THỤY THỰC HIỆN CHIA TÁCH
(Kèm theo quyết định số: 494/QĐ-UBND ngày 15/9 /2020 của UBND quận Long Biên)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	DỰ TOÁN NĂM 2020	DỰ TOÁN BỎ SƯNG THEO QĐ SỐ 1653/QĐ-UBND NGÀY 08/4/2020	DỰ TOÁN GIẢM THEO QĐ SỐ 3022/QĐ-UBND NGÀY 15/6/2020	GIẢM DỰ TOÁN DO CHIA TÁCH THEO ĐỀ ÁN SỐ 01/ĐA-UBND NGÀY 09/04/2020	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
A	CƠ SỞ TÍNH							
1	Số học sinh	học sinh	1.724			760	964	
2	Định mức chi	đồng	7.200.000					
B	DỰ TOÁN THU-CHI							
I	DỰ TOÁN THU		13.374.800.000			2.924.480.000	10.450.320.000	
1	Thu học phí		2.405.000.000			471.200.000	1.933.800.000	
	- Nguồn để thực hiện CCTL (40%)	đồng	962.000.000			188.480.000	773.520.000	
	- Nguồn để chi hoạt động (60%)	đồng	1.443.000.000			282.720.000	1.160.280.000	
2	Nguồn ngân sách cấp		10.969.800.000			2.453.280.000	8.516.520.000	
II	DỰ TOÁN CHI		13.374.800.000	16.000.000	210.206.000	2.924.480.000	10.256.114.000	
1	Kinh phí giao tự chủ		11.941.800.000			2.736.000.000	8.995.594.000	
	- Ngân sách đảm bảo	đồng	10.498.800.000		210.206.000	2.453.280.000	7.835.314.000	
	- Từ 60 % học phí	đồng	1.443.000.000			282.720.000	1.160.280.000	
2	Kinh phí để chi CCTL		1.433.000.000	16.000.000		188.480.000	1.260.520.000	
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên	đồng	471.000.000	16.000.000			487.000.000	
	- 40% CCTL từ thu học phí	đồng	962.000.000			188.480.000	773.520.000	

BIỂU 02: PHƯƠNG ÁN GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI TRƯỜNG THCS SÀI ĐỒNG THỰC HIỆN CHIA TÁCH
(Kèm theo quyết định số: 4947/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND quận Long Biên)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	DỰ TOÁN NĂM 2020	DỰ TOÁN BỎ SỰNG THEO QĐ SỐ 1653/QĐ-UBND NGÀY 08/4/2020	DỰ TOÁN GIẢM THEO QĐ SỐ 3022/QĐ-UBND NGÀY 15/6/2020	GIẢM DỰ TOÁN DO CHIA TÁCH THEO ĐỀ ÁN SỐ 01/ĐA-UBND NGÀY 09/04/2020	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
A	CƠ SỞ TÍNH							
1	Số học sinh	học sinh	1.702			387	1.315	
2	Định mức chi	đồng	7.200.000					
B	DỰ TOÁN THU-CHI							
I	DỰ TOÁN THU		13.204.400.000			1.489.176.000	11.715.224.000	
1	Thu học phí		2.374.000.000			239.940.000	2.134.060.000	
	- Nguồn để thực hiện CCTL (40%)	đồng	950.000.000			95.976.000	854.024.000	
	- Nguồn để chi hoạt động (60%)	đồng	1.424.000.000			143.964.000	1.280.036.000	
2	Nguồn ngân sách cấp		10.830.400.000			1.249.236.000	9.581.164.000	
II	DỰ TOÁN CHI		13.204.400.000	110.000.000	194.676.000	1.489.176.000	11.630.548.000	
1	Kinh phí giao tự chủ		11.818.400.000		194.676.000	1.393.200.000	10.230.524.000	
	- Ngân sách đảm bảo	đồng	10.394.400.000		194.676.000	1.249.236.000	8.950.488.000	
	- Từ 60 % học phí	đồng	1.424.000.000			143.964.000	1.280.036.000	
2	Kinh phí để chi CCTL		1.386.000.000	110.000.000		95.976.000	1.400.024.000	
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên	đồng	436.000.000				546.000.000	
	- 40% CCTL từ thu học phí	đồng	950.000.000			95.976.000	854.024.000	

BIỂU 03: PHƯƠNG ÁN GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 ĐỐI VỚI TRƯỜNG THCS PHÚC ĐÔNG THỰC HIỆN CHIA TÁCH
(Kèm theo quyết định số: 4347/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND quận Long Biên)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	DỰ TOÁN NĂM 2020	DỰ TOÁN BỔ SUNG THEO QĐ SỐ 1653/QĐ-UBND NGÀY 08/4/2020	DỰ TOÁN GIẢM THEO QĐ SỐ 3022/QĐ-UBND NGÀY 15/6/2020	GIẢM DỰ TOÁN DO CHIA TÁCH THEO ĐỀ ÁN SỐ 01/ĐA-UBND NGÀY 09/04/2020	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	GHI CHÚ
A	CƠ SỞ TÍNH							
1	Số học sinh	học sinh	507			7	500	
2	Định mức chi	đồng	7.200.000					
B	DỰ TOÁN THU-CHI							
I	DỰ TOÁN THU		3.933.400.000			26.936.000	3.906.464.000	
1	Thu học phí		707.000.000			4.340.000	702.660.000	
	- Nguồn để thực hiện CCTL (40%)	đồng	283.000.000			1.736.000	281.264.000	
	- Nguồn để chi hoạt động (60%)	đồng	424.000.000			2.604.000	421.396.000	
2	Nguồn ngân sách cấp		3.226.400.000			22.596.000	3.203.804.000	
II	DỰ TOÁN CHI		3.933.400.000	185.000.000	49.269.000	26.536.000	4.042.195.000	
1	Kinh phí giao tự chủ		3.566.400.000		49.269.000	25.200.000	3.491.931.000	
	- Ngân sách đảm bảo	đồng	3.142.400.000		49.269.000	22.596.000	3.070.535.000	
	- Từ 60 % học phí	đồng	424.000.000			2.604.000	421.396.000	
2	Kinh phí để chi CCTL		367.000.000	185.000.000		1.736.000	550.264.000	
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên	đồng	84.000.000	185.000.000			269.000.000	
	- 40% CCTL từ thu học phí	đồng	283.000.000			1.736.000	281.264.000	

BIỂU 04: TỔNG HỢP CÂN ĐỐI THU - CHI TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT NĂM 2020
(Kèm theo quyết định số: 4947/QĐ-UBND ngày 19/9/2020 của UBND quận Long Biên)

Đơn vị: đồng

B.Số thu										C. CÂN ĐỐI THU- CHI		
TT	Tên đơn vị	A. Kinh phí chi từ ngân sách	Số học sinh dự kiến năm 2020	Số thu học phí năm 2020				Tổng số chi từ thu học phí	Trong đó		Từ 60% nguồn thu học phí để chi hoạt động	Ngân sách quận giao năm 2020
				Tổng	Số học sinh thu	Mức thu /học sinh/ tháng	Số tháng thu		Tạo nguồn CCTL (40% học phí)	Chi hoạt động (60% học phí)		
A	TỔNG	3.335.200.000	857	531.340.000	857	155.000	4	531.340.000	212.536.000	318.804.000	318.804.000	3.016.396.000
I	Trường THCS Lý Thường Kiệt	3.335.200.000	857	531.340.000	857	155.000	4	531.340.000	212.536.000	318.804.000	318.804.000	3.016.396.000

BIỂU 05: TỜNG HỢP GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 CHO TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT

(Kèm theo quyết định số: 4947/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND quận Long Biên)

Đơn vị: đồng

Kinh phí chi từ ngân sách																	
STT	Tên đơn vị	Số học sinh năm 2020	Tổng số biên chế được giao	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm 15/8/2020	Định mức đảm bảo chi TX theo quy định		Tổng nguồn KP tính theo DM học sinh	Chi theo định mức							Chi hỗ trợ khác (Mua phần mềm Kế toán, bảng biểu, nội quy lớp học), ...	Tổng	
					Đảm bảo định mức tối thiểu theo học sinh, biên chế	Tr dó: Đảm bảo định mức tối thiểu chi khác		Dự toán theo định mức 6 tháng cuối năm 2020	Tr dó: Đảm bảo định mức tối thiểu chi khác	Tổng	Quỹ lương	Tổng	Chi hoạt động				
													Chi hoạt động thường xuyên	10% TK chi TX để CCTL			15
1	2	3	4	5	6	7	8=3*6/2	9=3*7/2	10=1+12	11	12=13+14	13	14=12*10%	15	16=10+15		
	Tổng	857	50	41	7.200.000	1.700.000	3.085.200.000	728.450.000	3.085.200.000	1.626.156.000	1.459.044.000	1.313.139.600	145.904.400	250.000.000	3.335.200.000		
1	Trường THCS Lý Thường Kiệt	857	50	41	7.200.000	1.700.000	3.085.200.000	728.450.000	3.085.200.000	1.626.156.000	1.459.044.000	1.313.139.600	145.904.400	250.000.000	3.335.200.000		

BIỂU 06: TỔNG HỢP CÂN ĐỐI THU - CHI TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM NĂM 2020

(Kèm theo quyết định số: 4947/QĐ-UBND ngày 17 / 9 /2020 của UBND quận Long Biên) Đơn vị: đồng

B.Số thu										C. CÂN ĐỐI THU- CHI		
TT	Tên đơn vị	A. Kinh phí chi từ ngân sách	Số học sinh dự kiến năm 2020	Số thu học phí năm 2020				Tổng số chi từ thu học phí	Trong đó		Từ 60% nguồn thu học phí để chi hoạt động	Ngân sách quận giao năm 2020
				Tổng	Số học sinh thu	Mức thu /học sinh/ tháng	Số tháng thu		Tạo nguồn CCTL (40% học phí)	Chi hoạt động (60% học phí)		
A	TỔNG	1.931.200.000	467	289.540.000	467	155.000	4	289.540.000	115.816.000	173.724.000	173.724.000	1.757.476.000
I	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	1.931.200.000	467	289.540.000	467	155.000	4	289.540.000	115.816.000	173.724.000	173.724.000	1.757.476.000

BIỂU 07: TỜNG HỢP GIAO DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 CHO TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÌNH KIỆM

(Kèm theo quyết định số: 1947/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND quận Long Biên)

Đơn vị: đồng

Kinh phí chi từ ngân sách																
STT	Tên đơn vị	Số học sinh năm 2020	Tổng số biên chế được giao	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm 15/8/2020	Định mức đảm bảo chi TX theo quy định		Tổng nguồn KP tính theo DM học sinh		Chi theo định mức							Tổng
					Đảm bảo định mức tối thiểu theo học sinh, biên chế	Tr.dự: Đảm bảo định mức tối thiểu chi khác	Dự toán theo định mức 6 tháng cuối năm 2020	Tr.dự: Đảm bảo định mức tối thiểu chi khác	Tổng	Quỹ lương	Chi hoạt động			Chi hỗ trợ khác (Mua phần mềm Kế toán, bảng biểu, nội quy lớp học), ...		
											Tổng	Chi hoạt động thường xuyên	10% TK chi TX để CCTL			
1	2	3	4	5	6	7	8=3*6	9=3*7	10=11+12	11	12=13+14	13	14=12*10%	15	16=10+15	
	Tổng	467	34	20	7.200.000	1.700.000	1.681.200.000	396.950.000	1.681.200.000	1.053.258.000	627.942.000	565.147.800	62.794.200	250.000.000	1.931.200.000	
1	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm	467	34	20	7.200.000	1.700.000	1.681.200.000	396.950.000	1.681.200.000	1.053.258.000	627.942.000	565.147.800	62.794.200	250.000.000	1.931.200.000	

